

Bản án số: 81/2025/HS-ST
Ngày: 30-6-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hòa.

Thẩm phán: bà Bùi Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Vương Kim Tám,

Bà Hà Thị Vũ,

Ông Lò Văn Sinh.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Lan Hương, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Ngọc Kiên, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 88/2025/TLST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2025/QĐXXST-HS ngày 16/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đối với các bị cáo:

1. Lò Văn T, sinh ngày 02/6/2002, tại huyện T, tỉnh Lai Châu; Nơi cư trú: bản C, xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu; Số thẻ CCCD: 0122xx, Cục CSQLHC về TTXH-Bộ Công an cấp ngày 28/4/2021; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Lào; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lò Văn N, sinh năm 1976 và bà Lò Thị K, sinh năm 1978; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: không; tiền sự: không; Nhân thân: chưa bị kết án và chưa bị xử lý vi phạm hành chính; Bị tạm giữ từ ngày 27/12/2024, tạm giam từ ngày 05/01/2025 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Lò Văn X, sinh ngày 04/10/2001, tại huyện T, tỉnh Lai Châu; Nơi cư trú: bản C, xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu; Số thẻ CCCD: 0122xxx, Cục CSQLHC về TTXH- Bộ Công an cấp ngày 24/6/2021; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Lào; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lò Văn K, sinh năm 1976 (đã chết năm 2023) và bà Lò Thị H, sinh năm 1979; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: không; Tiền sự: không; Nhân thân: chưa bị kết án và chưa bị xử lý vi phạm hành chính; Bị tạm giữ từ ngày 27/12/2024, tạm giam từ ngày 05/01/2025 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Lò Văn E, sinh ngày 02/6/1999, tại huyện T, tỉnh Lai Châu; Nơi cư trú: bản C, xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu; Số thẻ CCCD: 012xxx, Cục CSQLHC về TTXH- Bộ Công an cấp ngày 16/9/2024; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Lào; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lò Văn C, sinh năm 1977 và bà Lò Thị S, sinh năm 1979; có vợ Lò Thị H, sinh năm 2003 và có 02 con, con lớn sinh năm 2022, con nhỏ sinh năm 2024; Tiền án: không; Tiền sự: không; Nhân thân: chưa bị kết án, năm 2019 bị Công an huyện T, tỉnh Lai Châu xử phạt 250.000 đồng về hành vi Gây rối trật tự công cộng, đã được xóa tiền sự; Bị tạm giữ từ ngày 27/12/2024, tạm giam từ ngày 05/01/2025 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

4. Lò Văn S, sinh ngày 10/5/2005, tại huyện T, tỉnh Lai Châu; Nơi cư trú: bản C, xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu; Số thẻ CCCD: 012205001457, Cục CSQLHC về TTXH-Bộ Công an cấp ngày 02/3/2023; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Lào; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lò Văn Pánh, sinh năm 1970 và bà Lò Thị Sòn (đã chết năm 2024); Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: không; Tiền sự: không; Nhân thân: chưa bị kết án và chưa bị xử lý vi phạm hành chính; Bị tạm giữ từ ngày 27/12/2024, tạm giam từ ngày 05/01/2025 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn T*: ông Trịnh Ngọc M, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn X*: ông Nguyễn Cảnh P, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn E*: bà Triệu Thị H, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn S*: bà Nguyễn Thị Kim N, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

+ Chị Lò Thị H, sinh ngày 01/01/2003; địa chỉ cư trú: bản C, xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu, có mặt tại phiên tòa.

+ Bà Lò Thị K, sinh ngày 11/12/1978; địa chỉ cư trú: bản C, xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu, có mặt tại phiên tòa

- *Người chứng kiến*: ông Khoàng Văn T, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: bản T, xã X, huyện C, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 12/12/2024, Lò Văn Đ và bị cáo Lò Văn T gặp nhau tại bản C, xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu, hai bên thỏa thuận bị cáo T nhận và vận chuyển ma túy cho Đ từ khu vực gần biên giới Việt Nam - Lào, thuộc bản B, xã H, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên đến xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu với tiền công là 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*). Sau đó, bị cáo T nhắn tin qua ứng dụng Messenger rủ bị cáo Lò Văn X cùng tham gia vận chuyển ma túy và sẽ trả công 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*), bị cáo X đồng ý tham gia. Chiều ngày 25/12/2024, Lò Văn Đ gọi điện thoại cho bị cáo Lò Văn T thông báo ngày 26/12/2024 sẽ đi nhận ma túy và vận chuyển về giao cho Đ. Khoảng 20 giờ 25/12/2024, bị cáo Lò Văn X và bị cáo Lò Văn E đến nhà bị cáo T chơi Bi-a, bị cáo T rủ bị cáo E cùng đi vận chuyển ma túy, với tiền công là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*), bị cáo E đồng ý. Khoảng 02 giờ ngày 26/12/2024, bị cáo T nhắn tin qua ứng dụng Messenger rủ bị cáo Lò Văn S cùng đi chơi tại thị xã S, tỉnh Lào Cai; đến khoảng 09 giờ cùng ngày bị cáo T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Winner, biển kiểm soát 25AN-056.xx mượn của Lò Văn T đến gặp bị cáo E và giao xe mô tô cho bị cáo E; bị cáo T bảo bị cáo E đi đón bị cáo X đi thành phố L, tỉnh Lai Châu trước để thay đèn xe. Bị cáo T lấy xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave α , biển kiểm soát 25AN-018.xx của bị cáo E điều khiển quay về nhà, sau đó bị cáo T gặp và nhận từ Lò Văn Đ số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*), trong đó, có 97.000.000 đồng (*Chín mươi bảy triệu đồng*) là tiền Đ đưa cho bị cáo T để chuyển cho người giao ma túy (Đ không nói rõ là tiền gì); còn 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) là tiền để mua xăng và ăn uống trên đường đi. Sau khi nhận tiền, bị cáo T điều khiển xe mô tô đến đón và chở bị cáo S đi thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu gặp bị cáo E và bị cáo X. Khi gặp nhau bị cáo T và bị cáo E đổi lại xe cho nhau; bị cáo T chở bị cáo X, bị cáo E chở bị cáo S; trên đường đi đến thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên, trong lúc dừng lại để nghỉ uống nước, bị cáo T nói rõ và rủ bị cáo S cùng đi nhận và vận chuyển ma túy với tiền công 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*), bị cáo S đồng ý. Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, các bị cáo T, X, E, S đến lán nương tại bản B, xã H, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên; bị cáo T gọi điện thoại thông báo cho Đ biết để Đ liên lạc với người giao ma túy. Sau đó, 04 người thống nhất, bị cáo E và bị cáo S đi nhận ma túy còn bị cáo T và bị cáo X ở lại trông xe và chờ. Bị cáo T lấy 01 túi áo mưa và 97.000.000 đồng (*Chín mươi bảy triệu đồng*) đưa cho bị cáo E (túi áo mưa để đựng ma túy, tiền đưa cho người giao ma túy); các bị cáo E và S đi bộ theo đường mòn khoảng 2 giờ đồng hồ thì gặp 02 người đàn ông không quen biết đến giao ma túy. Khi gặp nhau, bị cáo E giao số tiền 97.000.000 đồng cho người giao ma túy, đồng thời nhận 01 bọc được gói ngoài cùng bằng nilon màu trắng, bị cáo E mở ra xem nhìn thấy bên trong có 03 cuộn bằng nilon màu trắng, trong cùng có 14 gói Heroine và 01 túi Hồng phiến; bị cáo E cho toàn bộ số ma túy vào trong túi áo mưa và cùng S đi bộ quay về. Khi đến chỗ bị cáo T và bị cáo X đang chờ, bị cáo E thông báo đã nhận được ma túy, rồi cất giấu túi ma túy vào bụi cây để nghỉ. Khoảng 30 phút sau, bị cáo E lấy ma túy giao cho bị cáo X; do điện thoại của bị cáo S không sử dụng gọi điện

thoại được nên bị cáo T cầm điện thoại của S, bị cáo S cầm điện thoại của bị cáo X, còn bị cáo X cầm điện thoại của bị cáo T để liên lạc trong quá trình vận chuyển ma túy. Đến khoảng 01 giờ, ngày 27/12/2024, bị cáo E điều khiển xe mô tô, biển kiểm soát 25AN-018.xx chở bị cáo S đi trước để xem đường, còn bị cáo T điều khiển xe mô tô, biển kiểm soát 25AN-056.xx chở bị cáo X cầm ma túy đi theo sau; trong quá trình di chuyển bị cáo S đã 03 lần gọi điện cho bị cáo X thông báo về việc không phát hiện lực lượng chức năng làm việc. Vào lúc 04 giờ 00 phút ngày 27/12/2024, khi xe của bị cáo Lò Văn T chở bị cáo Lò Văn X đi đến bản H, xã X, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên, thì bị tổ công tác Công an huyện Mường Chà phối hợp với Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công an tỉnh Điện Biên; Phòng Kỹ thuật nghiệp vụ và ngoại tuyến, Công an tỉnh Điện Biên; Công an thị xã Mường Lay, tổ công tác số 2 theo Kế hoạch 1266, Công an tỉnh Điện Biên phát hiện, bắt quả tang. Thu giữ trước bụng của bị cáo Lò Văn X 01 túi nilon màu xanh, có khóa kéo, bên trong có 01 túi Methamphetamine, khối lượng 19,54 gam và 14 gói Heroine, khối lượng 561,53 gam. Tổng khối lượng 02 chất ma túy là 581,07 gam. Cùng ngày, cơ quan điều tra đã giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với các bị cáo Lò Văn E, Lò Văn S

Tại bản Kết luận giám định số 10/KL-KTHS ngày 02/01/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận: *Vật chứng thu giữ của Lò Văn T cùng đồng bọn có khối lượng 19,54 gam các viên nén màu hồng ký hiệu M1 là chất ma túy: Loại Methamphetamine; 561,53 gam chất bột màu trắng ký hiệu từ M2 đến M15 là chất ma túy: Loại Heroin (Heroine).*

Cáo trạng số 39/CT-VKSĐB-P1 ngày 02/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố các bị cáo Lò Văn T, Lò Văn X, Lò Văn E, Lò Văn S về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 250 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Lò Văn T, Lò Văn X, Lò Văn E, Lò Văn S đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm như sau:

- Tuyên bố các bị cáo Lò Văn T, Lò Văn X, Lò Văn E, Lò Văn S phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo T, E, S; áp dụng điểm h khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lò Văn X xử phạt mỗi bị cáo 20 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 250 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

Về vật chứng của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1, các điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 33, 45 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 213, 219 của Bộ luật Dân sự để xử lý vật chứng như sau:

+ Tịch thu tiêu hủy 551,1 gam Heroine và 19,02 gam Methamphetamine còn lại sau khi giám định; 01 túi nilon màu xanh loại túi đựng áo mưa; 01 túi nilon màu trắng; 01 túi nilon màu xanh miệng túi có khoá vuốt; 17 mảnh nilon màu trắng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 25002xxx mang tên Lò Văn E.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mastell của Lò Văn E; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng hiệu realme của Lò Văn X. Tịch thu sung quỹ nhà nước $\frac{1}{2}$ trị giá của 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại Wave, biển kiểm soát 25AN-018.xx.

+ Trả lại cho Lò Văn T 01 Căn cước công dân; trả lại cho bà Lò Thị K 01 điện thoại hiệu OPPO màu xám; trả lại cho Lò Văn E 01 giấy phép lái xe; trả lại cho Lò Văn S 01 chiếc điện thoại di động hiệu iphone 12 pro max màu trắng; trả lại cho chị Lò Thị H $\frac{1}{2}$ trị giá của 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại Wave, biển kiểm soát 25AN-018.xx.

Về án phí, đề nghị áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn T, Luật sư ông Trịnh Ngọc M không có ý kiến tranh luận về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố và bản luận tội của Kiểm sát viên. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét điều kiện, hoàn cảnh của gia đình bị cáo, bị cáo sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo về toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm h khoản 4 Điều 250, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xem xét xử phạt bị cáo 20 năm tù theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tại phiên tòa. Đồng thuận với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh về hình phạt bổ sung, án phí và xử lý vật chứng.

Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn X, Luật sư ông Nguyễn Cảnh P không có ý kiến tranh luận về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố và bản luận tội của Kiểm sát viên. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: bị cáo phạm tội do hoàn cảnh gia đình khó khăn, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, do hám lợi, quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo về toàn bộ hành vi phạm tội của mình; năm 2022 bị cáo được tặng danh hiệu chiến sĩ tiên tiến trong thời gian phục vụ trong quân ngũ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm h khoản 4 Điều 250, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xem xét áp dụng hình phạt ở mức thấp nhất của khung hình phạt cho bị cáo. Đồng thuận với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh về hình phạt bổ sung, án phí và xử lý vật chứng.

Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn E, Luật sư bà Triệu Thị H không có ý kiến tranh luận về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: bị cáo phạm tội do hoàn cảnh gia đình khó khăn, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, 02 con còn nhỏ, phạm tội do ham chơi, hám lợi, quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo về toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm h khoản 4 Điều 250, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xem xét áp dụng hình phạt ở mức thấp nhất của khung hình phạt cho bị cáo, để bị cáo có cơ hội sớm được đoàn tụ với gia đình. Đồng thuận với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh về hình phạt bổ sung, án phí và xử lý vật chứng.

Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn S, Luật sư bà Nguyễn Thị Kim N không có ý kiến tranh luận về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: bị cáo phạm tội khi tuổi còn rất trẻ, hoàn cảnh gia đình khó khăn, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, phạm tội do bị rủ rê, do ham chơi, hám lợi, quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo về toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm h khoản 4 Điều 250, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xem xét áp dụng hình phạt ở mức thấp nhất của khung hình phạt cho bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo sớm về đoàn tụ với gia đình. Đồng thuận với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh về hình phạt bổ sung, án phí và xử lý vật chứng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lò Thị K trình bày tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa: bà Lò Thị K là mẹ đẻ của bị cáo Lò Văn T, bà K có mua và sử dụng một chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng màu xám xanh, do không biết chữ nên bà K không biết chiếc điện thoại này là loại điện thoại và nhãn hiệu gì; trong điện thoại có lắp 01 thẻ sim đăng ký tên của bà K, bà không nhớ số thuê bao. Bà K cho bị cáo T mượn chiếc điện thoại trên để làm việc (T làm Shipper, cần sử dụng điện thoại để liên lạc giao nhận hàng). Bà K mua chiếc điện thoại này với giá 4.000.000 đồng, tại huyện T. Bà không biết bị cáo T dùng chiếc điện thoại này vào việc vận chuyển trái phép chất ma túy. Ngày 27/12/2024, T đi đâu làm gì bà không biết, bà K đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại chiếc điện thoại cho bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lò Thị H trình bày tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa: bà Lò Thị H là vợ của bị cáo Lò Văn E. Gia đình bà H có sử dụng 01 chiếc xe máy HONDA, loại Wave α màu sơn trắng. Chiếc xe này được bà H và bị cáo E dùng tiền tiết kiệm từ khi sống chung với nhau để mua với giá 23.000.000 đồng vào cuối tháng 01 năm 2024. Chiếc xe máy được đăng ký tên Lò Văn E. Việc bị cáo E sử dụng chiếc xe máy để vi phạm pháp luật bà H không biết. Bà H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại chiếc xe máy cho gia đình để sử dụng.

Người chứng kiến ông Khoảng Văn T trình bày tại cơ quan điều tra: hồi 05 giờ 00 phút, ngày 27/12/2024, ông T được tổ công tác Công an huyện Mường

Chà mời đến trụ sở Công an xã Mường Tùng, huyện Mường Chà chứng kiến việc tổ công tác lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng của Lò Văn T và Lò Văn X. Ông T trực tiếp chứng kiến T và X khai nhận 01 túi nilon màu xanh loại túi đựng áo mưa bên trong có 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa 14 gói nilon màu trắng mỗi gói đều chứa chất bột nén màu trắng đục là Heroine và 01 túi nilon màu xanh bên trong chứa nhiều viên nén màu hồng là ma túy tổng hợp (hồng phiến) của T và X đang vận chuyển từ xã H, huyện Nậm Pồ đến bản C, xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu để được nhận tiền công. Ngoài ra, trong ngày 27/12/2024, ông T được chứng kiến việc tổ công tác Công an huyện Mường Chà lập biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Lò Văn E và Lò Văn S. Quá trình lập biên bản với các bị cáo khách quan, các bị cáo khai báo là tự nguyện không bị ai đánh đập, ép buộc.

Trong phần tranh luận: đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên và người bào chữa cho các bị cáo không tranh luận đối đáp về nội dung gì. Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình, không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh về tội danh cũng như hình phạt; trong lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Chà, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Chà, Kiểm sát viên; Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, Người bào chữa cho các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo

Qua tranh tụng công khai tại phiên tòa các bị cáo khai nhận thống nhất: nhằm mục đích nhận tiền công 30.000.000 đồng từ đối tượng tên Lò Văn Đ, bị cáo Lò Văn T đã chủ động liên lạc và rủ các bị cáo Lò Văn X, Lò Văn E, Lò Văn S tham gia cùng; bị cáo T hứa sẽ trả tiền công cho bị cáo X là 10.000.000 đồng, bị cáo E và bị cáo S mỗi người 5.000.000 đồng. Ngày 26/12/2024, các bị cáo Lò Văn T, Lò Văn X, Lò Văn E, Lò Văn S đã cùng nhau đi nhận ma túy gồm 19,54 gam Methamphetamine, 561,53 gam Heroine tại khu vực gần biên giới Việt Nam - Lào, thuộc bản B, xã H, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên sau đó vận chuyển đến xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu giao cho Lò Văn Đ. Khi các bị cáo đang vận chuyển ma túy đến khu vực bản H, xã Mường Tùng, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên, thì bị tổ công tác Công an huyện Mường Chà phối hợp với

Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công an tỉnh Điện Biên phối hợp với các lực lượng chức năng phát hiện bắt giữ cùng vật chứng. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang (BL 01-03); biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu (BL 206-210); biên bản mở niêm phong và xác định khối lượng lấy mẫu giám định chất ma túy và niêm phong lại vật chứng (BL 211-212); kết luận giám định (BL 215); biên bản nhận dạng (BL 256-271); biên bản ghi lời khai của người chứng kiến Khoảng Văn T (BL 371-376) và phù hợp với các chứng cứ khác của vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định các bị cáo Lò Văn T, Lò Văn X, Lò Văn E và Lò Văn S đã nhận và vận chuyển 561,53 gam Heroine và 19,54 gam Methamphetamine, tổng khối lượng 02 chất ma túy là 581,07 gam để nhận tiền công. Hành vi của các bị cáo gây nguy hại đặc biệt lớn cho xã hội, đủ yếu tố cấu thành tội Vận chuyển trái phép chất ma túy, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm h khoản 4 Điều 250 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số 39/CT-VKSĐB-P1 ngày 02/6/2025, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố các bị cáo về tội danh, điểm, khoản, điều luật áp dụng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội; vai trò của các bị cáo

Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ hành vi của mình Nhà nước nghiêm cấm. Hành vi của các bị cáo xâm phạm chính sách thống nhất quản lý của Nhà nước về chất ma túy mà trực tiếp là hoạt động vận chuyển chất ma túy. Hành vi của các bị cáo là một trong các nguyên nhân gây mất trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, làm gia tăng tội phạm ma túy. Các bị cáo nhận thức đầy đủ việc Nhà nước cấm tất cả các hành vi mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép các chất ma túy, biết tác hại của ma túy với đời sống sức khỏe của con người, nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội nhằm mục đích nhận tiền công. Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp giản đơn, mặc dù có sự thỏa thuận, thống nhất về việc mỗi bị cáo phải thực hiện nhưng chưa đủ yếu tố để xác định có tổ chức. Bị cáo Lò Văn T có vai trò chính, là người rủ rê các bị cáo khác cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo Lò Văn X, Lò Văn E, Lò Văn S tham gia với vai trò thực hành là đồng phạm giúp sức.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo

Các bị cáo đều là dân tộc Lào, sinh ra và cư trú tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; bản thân được gia đình tạo điều kiện cho đi học tập văn hóa, bị cáo E học hết lớp 12/12, bị cáo T 11/12, các bị cáo X, S 9/12. Các bị cáo T, X, S chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo E có 01 tiền sự năm 2019 về hành vi gây rối trật tự công cộng nhưng đã được xóa tiền sự; quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên và Người bào chữa cho các bị cáo áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo. Bị cáo Lò Văn X được Chính ủy Trung đoàn 880 tặng danh hiệu Chiến sĩ tiên tiến năm 2022, Hội đồng xét xử chấp nhận áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt chính

Từ các phân tích tại các đoạn [1], [2], [3], Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của mỗi bị cáo. Tuy nhiên, ngày 25/6/2025, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự được Quốc hội thông qua đã bỏ án tử hình với 8 tội danh, trong đó có tội Vận chuyển trái phép chất ma túy. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ tính chất hành vi phạm tội của mỗi bị cáo và tình hình chuyển biến của pháp luật tại thời điểm xét xử để xử phạt các bị cáo mức hình phạt tù có thời hạn là thỏa đáng, thể hiện được sự khoan hồng của pháp luật xã hội chủ nghĩa đối với người phạm tội.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên và Người bào chữa cho các bị cáo về hình phạt chính là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung

Căn cứ vào biên bản xác minh tài sản và qua tranh tụng tại phiên tòa cho thấy, gia đình các bị cáo không có tài sản gì giá trị; các bị cáo không có thu nhập thường xuyên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên và Người bào chữa cho các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản theo quy định tại khoản 5 Điều 250 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo là phù hợp Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Các vấn đề khác của vụ án

Theo lời khai của các bị cáo Lò Văn T, Lò Văn X, Lò Văn E: ngoài lần thực hiện hành vi vận chuyển ma túy ngày 26/12/2024; trước đó vào khoảng tháng 7/2024 các bị cáo đã cùng với Lò Văn E1, sinh năm 2001, trú tại bản N, xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu cùng nhau thực hiện vận chuyển ma túy cho Lò Văn Đ từ khu vực gần biên giới Việt Nam – Lào thuộc bản B, xã H, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên về xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu và được Đ trả cho 30 triệu đồng tiền công. Tuy nhiên, các bị cáo không biết vận chuyển loại ma túy gì, khối lượng bao nhiêu; thời điểm điều tra, truy tố, xét xử đối tượng Lò Văn Đ và Lò Văn E1 (sinh năm 2001) không có mặt tại địa phương, chưa đủ căn cứ để xác định lần phạm tội này của các bị cáo. Hội đồng xét xử, đề nghị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Điện Biên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tiếp tục xác minh làm rõ, nếu có đủ căn cứ thì xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với 02 người giao ma túy cho bị cáo E, Cơ quan CSĐT không xác định được người cụ thể, không đề cập xử lý trong vụ án, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[8] Về vật chứng: áp dụng Điều 33, Điều 45 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 210, 213, 219 của Bộ luật Dân sự; điểm a, điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- 551,1 gam Heroine và 19,02 gam Methamphetamine đã trừ mẫu vật giám định; 01 túi nilon màu xanh loại túi đựng áo mưa; 01 túi nilon màu trắng; 01 túi nilon màu xanh miệng túi có khoá vuốt; 17 mảnh nilon màu trắng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 25002xxx mang tên Lò Văn E là vật nhà nước cấm lưu hành và không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại hiệu iphone 12 pro max màu trắng, số seri F2LG65DZ0D5F, IMEI: 357442556877xxx, MEID: 35744255687xxx, điện thoại đã qua sử dụng, không có thẻ sim, thu giữ khi bắt quả tang Lò Văn T. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa đã làm rõ đây là điện thoại của bị cáo Lò Văn S, chiếc điện thoại này bị cáo S không sử dụng vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử thấy cần trả lại cho bị cáo S.

- 01 điện thoại hiệu OPPO màu xám, IMEI1: 863271056445xxx, số IMEI2: 863271056445xxx, điện thoại đã qua sử dụng, thu giữ khi bắt quả tang Lò Văn X. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa đã làm rõ thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Lò Thị K, bà K không có lỗi trong việc bị cáo T sử dụng điện thoại để phạm tội, nên trả lại cho bà K là phù hợp.

- 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng hiệu realme màu đen, IMEI1: 8647510665206636/xx, ICCID1: 89840480009233350xxx, trong điện thoại lắp sim viettel số 0392097xxx. Điện thoại đã qua sử dụng thu giữ khi bắt giữ Lò Văn S. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa đã làm rõ thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị cáo Lò Văn X, bị cáo X đã sử dụng vào việc phạm tội, cần tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

- 01 điện thoại di động loại bàn phím bấm, nhãn hiệu Mastell màu xanh than đã qua sử dụng, thu giữ khi bắt giữ Lò Văn E thuộc sở hữu hợp pháp của bị cáo E, bị cáo E sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe hai bánh từ 50-175cm³, số loại Wave α màu sơn trắng, dung tích 109,2 cm³, sản xuất năm 2023, biển kiểm soát 25AN-018.xx, số khung RLHJA3939PY123xxx, số máy JA70E-0181xxx, xe đã qua sử dụng thu giữ khi bắt giữ Lò Văn E. (Xe không có gương chiếu hậu, yếm xe phía trên bên phải bị nứt vỡ). Quá trình tố tụng và tại phiên tòa đã làm rõ thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị cáo Lò Văn E và bà Lò Thị H, bị cáo E đã sử dụng xe vào việc phạm tội nhưng bà H không biết, cần tịch thu $\frac{1}{2}$ giá trị xe máy nộp vào ngân sách nhà nước và trả lại $\frac{1}{2}$ giá trị xe cho bà Lò Thị H.

- 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 120224001xxx mang tên Lò Văn E không liên quan đến vụ án cần trả lại cho bị cáo E.

- 01 Căn cước công dân số 012202000xxx mang tên Lò Văn T không liên quan đến vụ án cần trả lại cho bị cáo T.

Đối với 01 xe máy mô tô nhãn hiệu Honda loại Winner; biển kiểm soát 25AN-056.xx; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện thu giữ của bị cáo Lò Văn T; quá trình tố tụng

đã làm rõ thuộc sở hữu hợp pháp của anh Lò Văn T. Anh T không có lỗi trong việc bị cáo T sử dụng xe để phạm tội nên ngày 02/4/2025 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Điện Biên đã trả lại cho anh T theo Quyết định số 899/QĐ-CSMT là đúng quy định tại Điều 36, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí:

Các bị cáo Lò Văn T, Lò Văn X, Lò Văn E, Lò Văn S sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại Quyết định 612/QĐ-UBND, ngày 16/9/2021 của Ủy ban Dân tộc ban hành phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025. Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử thấy cần miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 250 của Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố:

Các bị cáo Lò Văn T, Lò Văn X, Lò Văn E, Lò Văn S phạm tội Vận chuyển trái phép chất ma túy.

Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lò Văn T, Lò Văn E, Lò Văn S; áp dụng điểm h khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lò Văn X xử phạt như sau:

- Xử phạt bị cáo Lò Văn T 20 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/12/2024.
- Xử phạt bị cáo Lò Văn X 20 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/12/2024.
- Xử phạt bị cáo Lò Văn E 20 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/12/2024.
- Xử phạt bị cáo Lò Văn S 20 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/12/2024.

2. Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 33, Điều 45 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 210, 213, 219 của Bộ luật Dân sự; điểm a, điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xử lý như sau:

*** Tịch thu tiêu hủy các vật sau:**

- 551,1 gam Heroine và 19,02 gam Methamphetamine đã trừ mẫu vật giám định được niêm phong lại trong 01 phong bì niêm phong được dán kín, mặt trước phong bì ghi chữ viết tay: Mẫu vật hoàn lại theo Kết luận giám định số 10/KL-

KTHS ngày 02/01/2025 của Phòng KTHS Công an tỉnh Điện Biên. Bên trong phong bì là Heroine có tổng khối lượng 551,1 gam và 19,02 gam Methamphetamine. Mặt còn lại của phong bì niêm phong, tại mép dán có 03 hình dấu của phòng KTHS - Công an tỉnh Điện Biên và các chữ ký ghi họ tên của Lò Văn P, Trần Sỹ N.

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 250024xx mang tên Lò Văn E.

- 01 túi nilon màu xanh loại túi đựng áo mưa;
- 01 túi nilon màu trắng;
- 01 túi nilon màu xanh miệng túi có khoá vuốt;
- 17 mảnh nilon màu trắng.

*** Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước:**

- 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng hiệu realme màu đen, IMEI1: 8647510665206636/xx, ICCID1: 89840480009233350xxx, trong điện thoại lắp sim viettel số 0392097xxx. Điện thoại đã qua sử dụng thu giữ khi bắt giữ Lò Văn S (điện thoại của X).

- ½ giá trị xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe hai bánh từ 50-175cm³, số loại Wave α màu sơn trắng, dung tích 109,2 cm³, sản xuất năm 2023, biển kiểm soát 25AN- 018.xx, số khung RLHJA3939PY123xxx, số máy JA70E-0181xxx, xe đã qua sử dụng thu giữ khi bắt giữ Lò Văn E. (Xe không có gương chiếu hậu, yếm xe phía trên bên phải bị nứt vỡ).

- 01 điện thoại di động loại bàn phím bấm, nhãn hiệu Mastell màu xanh than đã qua sử dụng, thu giữ khi bắt giữ Lò Văn E.

*** Trả lại các vật sau:**

- Trả cho bà Lò Thị H ½ giá trị xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe hai bánh từ 50-175cm³, số loại Wave α màu sơn trắng, dung tích 109,2 cm³, sản xuất năm 2023, biển kiểm soát 25AN- 018.xx, số khung RLHJA3939PY123xxx, số máy JA70E-0181xxx, xe đã qua sử dụng thu giữ khi bắt giữ Lò Văn E. (Xe không có gương chiếu hậu, yếm xe phía trên bên phải bị nứt vỡ).

- Trả cho bị cáo Lò Văn S 01 điện thoại hiệu iphone 12 pro max màu trắng, số seri F2LG65DZ0D5F, IMEI: 357442556877xxx, MEID: 35744255687xxx, điện thoại đã qua sử dụng, không có thẻ sim, thu giữ khi bắt quả tang Lò Văn T.

- Trả cho bà Lò Thị K 01 điện thoại hiệu OPPO màu xám, IMEI1: 863271056445xxx, số IMEI2: 863271056445xxx, điện thoại đã qua sử dụng, thu giữ khi bắt quả tang Lò Văn X.

- Trả cho bị cáo Lò Văn E 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 120224001xxx mang tên Lò Văn E.

- Trả cho bị cáo Lò Văn T 01 Căn cước công dân số 012202000xxx mang tên Lò Văn T.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên và Cục thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên ngày 03/6/2025)

3. Về án phí: áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Lò Văn T, Lò Văn X, Lò Văn E, Lò Văn S.

4. Về quyền kháng cáo: áp dụng Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo Lò Văn T, Lò Văn X, Lò Văn E, Lò Văn S có quyền kháng cáo bản án, bà Lò Thị H, Lò Thị K có quyền kháng cáo bản án phần có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc 1 TAND tối cao;
- Viện phúc thẩm 1 VKSND TC;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên (PC04);
- Phòng HSNV Công an tỉnh;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh;
- Trại tạm giam;
- Các Bị cáo; Người CQLNVLQ;
- Người bào chữa;
- THA dân sự tỉnh Điện Biên;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hòa

